

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019*

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN  
QUỐC DÂN**



# MỤC LỤC

---oOo---

---

	Trang
1- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-03
2- BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04-05
3- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06-09
4- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
5- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11-13
6- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	14-50

---

N 03  
TRAC  
AF

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 06 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân (dưới đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Ngân hàng cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 06 năm 2019.

### 1. Thông tin chung về Ngân hàng

#### Thành lập:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân được đổi tên từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt vào ngày 06 tháng 05 năm 2014. Trước đây Ngân hàng có tên gọi là Ngân hàng TMCPNT Sông Kiên, là Ngân hàng Cổ phần được thành lập theo giấy phép số 00057/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và giấy phép thành lập số 1217/GP-UB ngày 17 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp. Ngân hàng hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700169765 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (đăng ký lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 050046 ngày 02 tháng 11 năm 1995 của Ủy ban kế hoạch tỉnh Kiên Giang), giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 10 tháng 11 năm 2017.

Ngân hàng nắm quyền kiểm soát toàn bộ Công ty con là Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quốc Dân, được thành lập theo Quyết định số 2406/QĐ-NHNN ngày 19/12/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304767745 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (đăng ký lần đầu ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 30/05/2018) với mức vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng, hoạt động chủ yếu là tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng của ngân hàng TMCP Quốc Dân và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất.

Thời gian hoạt động của ngân hàng là 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tiên.

Tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, vốn điều lệ của Ngân hàng theo giấy đăng ký kinh doanh là: 3.010.215 triệu đồng. Vốn thực góp là: 4.101.555 triệu đồng.

#### Hoạt động chính của Ngân Hàng:

- Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức thuộc các thành phần kinh tế và dân cư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn;
- Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức tín dụng trong nước;
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn;
- Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;
- Góp vốn liên doanh và mua cổ phần theo pháp luật hiện hành;
- Cung cấp dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng;
- Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà Nước cho phép.

Mã chứng khoán niêm yết: NVB

Trụ sở chính của Ngân hàng: số 28C-D, Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội.

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Ngân hàng có 1 Hội sở chính, 24 chi nhánh, 66 phòng giao dịch. Các chi nhánh được mở trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Ngân hàng có 1 Công ty con.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 06 năm 2019

**2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ của Ngân hàng được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng quản trị		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông NGUYỄN TIẾN DŨNG	Chủ tịch	10/11/2018	
Ông VŨ HỒNG NAM	Phó chủ tịch	15/11/2018	26/04/2019
Ông VŨ MẠNH TIẾN	Phó chủ tịch	15/11/2018	
Ông LÊ HỒNG PHƯƠNG	Thành viên thường trực	26/04/2018	26/04/2019
Bà NGUYỄN THỊ MAI	Thành viên thường trực	24/04/2015	26/04/2019
Ông PHẠM THẾ HIỆP	Thành viên	26/04/2019	
Bà TRẦN HẢI ANH	Thành viên	10/11/2017	
Ông TRẦN KIM CHUNG	Thành viên	09/11/2017	
Ông LÊ XUÂN NGHĨA	Thành viên độc lập	24/04/2015	
<b>Ban kiểm soát</b>			
Bà TRẦN THỊ HÀ GIANG	Trưởng ban	26/04/2018	
Bà VŨ KIM PHƯỢNG	Thành viên	24/04/2015	
Ông LÊ TRỌNG HIẾU	Thành viên	24/04/2015	
<b>Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b>			
Ông PHẠM THẾ HIỆP	Tổng Giám đốc	19/07/2019	
Ông LÊ HỒNG PHƯƠNG	Tổng Giám đốc	18/10/2018	06/05/2019
Bà DƯƠNG THỊ LỆ HÀ	Phó Tổng giám đốc thường trực	26/04/2018	
Ông VŨ MẠNH TIẾN	Phó Tổng giám đốc	11/11/2013	26/01/2019
Bà NGUYỄN THỊ MAI	Phó Tổng giám đốc	06/02/2013	26/01/2019
Ông NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	Phó Tổng giám đốc	26/01/2019	
Ông HOÀNG TUẤN TÚ	Phó Tổng giám đốc	13/11/2017	
Ông NGUYỄN HỒNG LONG	Phó Tổng giám đốc	21/08/2017	
Bà ĐỖ THỊ THANH HƯỜNG	Kế toán trưởng	01/08/2016	

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 06 năm 2019

### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng là ông Nguyễn Tiến Dũng - Chủ tịch HĐQT.

Theo giấy ủy quyền số 58/2019/UQ-CTHĐQT ngày 19 tháng 07 năm 2019, ông Nguyễn Tiến Dũng đã ủy quyền cho ông Phạm Thế Hiệp - Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019.

### 4 Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 06 năm 2019.

### 5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các số sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho thời kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

TP. Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019



Phạm Thế Hiệp



Số: 182/2019/BCSXHN-HCM.01065

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.**  
**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân ("Ngân hàng"), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2019, từ trang 06 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410. Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

# BÁO CÁO SOÁT XÉT

## THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh mục IV.6 về việc ghi nhận các khoản chênh lệch giữa giá bán nợ với giá gốc, thoái lui dự thu của các khoản nợ đã bán cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") sẽ được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo Nghị Quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 08 năm 2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Các chính sách kế toán mà Ngân hàng đang áp dụng được trình bày tại Thuyết minh mục IV.7 đối với cho vay khách hàng, hoạt động mua bán nợ; mục IV.8.2 về chính sách kế toán dự phòng khoản bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC"), chính sách kế toán về khoản bán nợ cho công ty mua bán nợ và các tổ chức khác; mục IV.9.2 về dự phòng các khoản đầu tư dài hạn; mục V.17 về vốn chủ sở hữu - khoản lợi nhuận chưa phân phối của bản thuyết minh báo cáo tài chính. Theo đó, việc phân loại nợ vay; trích lập dự phòng cụ thể, dự phòng đầu tư của các khách hàng cũ; và các khoản khác trước giai đoạn tái cấu trúc sẽ được xử lý dần theo năng lực tài chính của Ngân hàng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các chính sách này trong đề án tái cấu trúc Ngân hàng đã được trình các cơ quan có thẩm quyền và đang chờ phê duyệt bằng văn bản. Ngoài ra, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh mục V.17 về khoản vốn điều lệ của tổ chức tín dụng thể hiện trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là: 4.101.555 triệu đồng, vốn điều lệ theo giấy đăng ký kinh doanh của Ngân hàng là: 3.010.215 triệu đồng, chênh lệch là khoản vốn tăng trong kỳ giá trị: 1.091.339 triệu đồng. Ngân hàng đang thực hiện thủ tục với các cơ quan chức năng để thay đổi giấy đăng ký kinh doanh về việc tăng vốn này.



**NGUYỄN THỊ THANH MINH**

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0068 -2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN</b>			
<b>I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>	V.01	342.895	291.598
<b>II. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước</b>	V.02	510.593	1.587.706
<b>III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác</b>	V.03	6.930.111	6.683.833
1. Tiền gửi tại các TCTD khác		6.900.111	6.651.833
2. Cho vay các TCTD khác		30.000	32.000
3. Dự phòng rủi ro		-	-
<b>IV. Chứng khoán kinh doanh</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
<b>V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>		50.724	53.079
<b>VI. Cho vay khách hàng</b>		35.845.505	35.281.529
1. Cho vay khách hàng	V.04	36.261.205	35.674.111
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.05	(415.700)	(392.582)
<b>VII. Hoạt động mua nợ</b>	V.06	3.308	9.947
1. Mua nợ		3.358	10.022
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(50)	(75)
<b>VIII. Chứng khoán đầu tư</b>	V.07	13.917.855	16.132.945
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		7.186.188	8.864.536
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		6.817.041	7.353.896
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(85.374)	(85.487)
<b>IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	V.08	689.647	706.682
1. Đầu tư vào công ty con		-	-
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		719.600	719.600
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(29.953)	(12.918)

1044  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TP.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
<b>IX. Tài sản cố định</b>		<b>600.352</b>	<b>614.912</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	V.09	156.462	163.853
a. Nguyên giá tài sản cố định		295.470	295.518
b. Hao mòn tài sản cố định		(139.008)	(131.665)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a. Nguyên giá tài sản cố định		-	-
b. Hao mòn tài sản cố định		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.10	443.890	451.059
a. Nguyên giá tài sản cố định		493.724	493.679
b. Hao mòn tài sản cố định		(49.834)	(42.620)
<b>X. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>XI. Tài sản có khác</b>	V.11	<b>11.768.830</b>	<b>11.059.939</b>
1. Các khoản phải thu	V.11.1, 2	4.982.476	4.451.976
2. Các khoản lãi, phí phải thu		2.902.331	2.663.644
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4. Tài sản Có khác	V.11.3	3.932.882	3.980.178
- Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	V.11.4	(48.859)	(35.859)
<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>		<b>70.659.820</b>	<b>72.422.170</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
<b>B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>I. Các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước</b>		-	1.244.200
<b>II. Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	V.12	5.964.444	9.757.537
1. Tiền gửi của các TCTD khác		5.964.444	8.456.393
2. Vay các TCTD khác		-	1.301.144
<b>III. Tiền gửi của khách hàng</b>	V.13	53.931.669	47.148.818
<b>IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>		-	-
<b>V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>	V.14	141.040	170.063
<b>VI. Phát hành giấy tờ có giá</b>	V.15	3.954.500	9.184.275
<b>VII. Các khoản nợ khác</b>	V.16	2.388.183	1.684.511
1. Các khoản lãi, phí phải trả		1.472.732	1.348.100
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác		915.451	336.411
4. Dự phòng rủi ro khác (DP cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)		-	-
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>66.379.836</b>	<b>69.189.404</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
<b>VIII. Vốn và các quỹ</b>	<b>V.17</b>	<b>4.279.984</b>	<b>3.232.766</b>
1. Vốn của TCTD		4.071.911	2.980.572
<i>a. Vốn điều lệ</i>		4.101.555	3.010.216
<i>b. Vốn đầu tư XDCB</i>		-	-
<i>c. Thặng dư vốn cổ phần</i>		-	-
<i>d. Cổ phiếu quỹ</i>		(29.644)	(29.644)
2. Quỹ của TCTD		157.516	157.516
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối		50.557	94.678
<i>Lợi nhuận / lỗ năm nay</i>		16.454	36.240
<i>Lợi nhuận / lỗ năm trước</i>		34.103	58.438
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>70.659.820</b>	<b>72.422.170</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
1. Bảo lãnh vay vốn	<b>V.31</b>	-	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái		7.010.901	13.122.710
2.1 Cam kết mua ngoại tệ		11.983	-
2.2 Cam kết bán ngoại tệ		244.818	-
2.3 Cam kết giao dịch hoán đổi		6.754.100	13.122.710
2.4 Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C		78.890	124.445
5. Bảo lãnh khác		2.314.140	2.644.624
6. Các cam kết khác		179.000	185.000

TP. Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Người lập bảng



Hà Thị Hiếu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc



Phạm Thế Hiệp

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.18	2.404.905	2.291.789
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.19	1.942.108	1.804.040
<b>I. Thu nhập lãi thuần</b>		<b>462.797</b>	<b>487.749</b>
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		35.664	32.345
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		25.378	18.469
<b>II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>VI.20</b>	<b>10.286</b>	<b>13.876</b>
<b>III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>VI.21</b>	<b>(5.317)</b>	<b>(1.728)</b>
<b>IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>VI.22</b>	<b>9.720</b>	<b>6.441</b>
5. Thu nhập từ hoạt động khác		56.586	352.694
6. Chi phí hoạt động khác		40.416	261.064
<b>VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác</b>	<b>VI.23</b>	<b>16.170</b>	<b>91.630</b>
<b>VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VIII. Chi phí hoạt động</b>	<b>VI.24</b>	<b>420.069</b>	<b>491.415</b>
<b>IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>73.587</b>	<b>106.553</b>
X.1 Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		23.029	39.646
X.2 Các khoản xử lý theo đề án tái cấu trúc NH		30.000	51.263
<b>XI. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>20.558</b>	<b>15.644</b>
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		4.104	3.129
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
<b>XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>VI.25</b>	<b>4.104</b>	<b>3.129</b>
<b>XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>16.454</b>	<b>12.515</b>
<b>XIV. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)</b>	<b>VI.17.2</b>	<b>49</b>	<b>42</b>

TP Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Người lập bảng

Hà Thị Hiếu

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc



Phạm Thế Hiệp

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		2.166.219	2.179.514
02. Chi phí lãi và các khoản thu nhập tương tự đã trả		(1.817.476)	(1.746.840)
03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		10.286	13.876
04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		4.403	4.713
05. Thu nhập khác		35.204	10.291
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý hoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		1.657	2.018
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(435.392)	(492.596)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ		(125)	(38)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</i>		<b>(35.224)</b>	<b>(29.062)</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		2.000	431.250
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		2.215.203	(822.723)
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		2.355	(29.157)
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(580.430)	(3.216.869)
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(49)	(86)
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(549.416)	(128.621)

044  
 ÔN  
 NI  
 NH  
 I  
 M  
 VI  
 TP.1

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		(1.244.200)	-
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD		(3.793.093)	(3.047.156)
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		6.782.851	(790.082)
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		(5.229.775)	5.724.163
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(29.023)	(19.919)
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	(38.896)
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		594.517	(196.041)
22. Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		-	-
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.864.284)</b>	<b>(2.163.199)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01. Mua sắm TSCĐ		(5.054)	(5.870)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		461	337.374
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
09. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		-	-
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(4.593)</b>	<b>331.504</b>

1995  
TY  
HỮU  
QUAN  
NÀ  
5C

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		1.091.339	-
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		<b>1.091.339</b>	<b>-</b>
<b>IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(777.538)</b>	<b>(1.831.695)</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>8.531.137</b>	<b>11.344.137</b>
<b>VI. Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>VII.26</b>	<b>7.753.599</b>	<b>9.512.442</b>

TP Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Người lập bảng

Hà Thị Hiếu

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc

Phạm Thế Hiệp

